

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-02-2023

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**.*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Văn Ân**.
2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thúy** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** - Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 892/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Huyền Tr**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: A, Đường số B, ấp C, xã D huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Huyền Tr là Luật sư Phan Hồng S— Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn PHS VÀ HN (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Hữu Nh**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: A, Đường số B, ấp C, xã D huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 11/7/2022, Đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện ngày 09/12/2022; bản tự khai ngày 16/11/2022; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 26/12/2022; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 11/01/2023 - nguyên đơn bà Trần Thị Huyền Tr trình

bày: Bà và ông Trần Hữu Nh chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 18/7/2005. Từ sau khi kết hôn, vợ chồng bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng, lý do bà phải một mình gách vác mọi công việc trong gia đình từ con cái, học hành, nội ngoại hai bên trong gia đình, công việc ngoài xã hội, nhà cửa, còn ông Nh không quan tâm, chia sẻ và cùng gách vác công việc gia đình và xã hội với bà, ông Nh luôn tìm cách bắt lỗi bà. Cho đến hôm nay, vợ chồng bà thường xuyên xung đột, cãi vã, xét thấy tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, bà và ông Nh đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hữu Nh.

Về con chung: Bà và ông Nh có 02 con chung tên Trần Hữu Vy A, giới tính (nữ), sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Phú Hải L, giới tính (nam), sinh ngày: 19/02/2011. Hiện trẻ A đang đi du học ở nước ngoài, còn trẻ L đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ A và trẻ L. Bà không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2022, bản tự khai ngày 26/12/2022; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 26/12/2022; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 11/01/2023 - bị đơn ông Trần Hữu Nh trình bày: Ông và bà Trần Thị Huyền Tr chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 18/7/2005. Trong quá trình chung sống, ông và bà Tr vẫn hạnh phúc, vẫn còn tình cảm yêu thương nhau.

Thời gian gần đây, vì lý do công việc của ông gặp một số sự cố không mong muốn nên dẫn đến quan điểm của vợ chồng xung khắc, đôi khi trao đổi dẫn đến có nhiều sự bất đồng quan điểm. Sự bất đồng quan điểm về việc làm hiện tại của ông nên dẫn đến sự hiểu lầm cho bà Tr.

Ông nhìn nhận do tính chất công việc, cũng như quan điểm khi thực hiện công việc ông sẽ giải quyết không như cách giải quyết của vợ ông, nên từ đó sự hiểu lầm ngày càng cao trào. Từ đó, vợ ông cho rằng việc ly hôn là điều tốt cho đôi bên. Nhưng thực tế, ông và vợ ông vẫn còn nghĩ và yêu thương nhau, các con ông đều nhìn nhận sự việc một cách tích cực, vì hai con ông đã lớn và hiểu được tâm tính của cha mẹ, nên việc ly hôn này là hoàn toàn không thể.

Việc đề nghị ly hôn của vợ ông xuất phát từ sự hiểu lầm. Ông khẳng định một lần nữa, mọi vướng mắc của vợ ông đều là do sự hiểu lầm, mọi việc như hiện nay là điều không đáng có. Hiện ông không còn sống chung với bà Tr từ tháng 7/2022 cho đến nay nhưng ông vẫn còn tình cảm với vợ ông, ông vẫn còn thương vợ thương con, giữa ông và vợ ông không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là sự hiểu lầm nhỏ

không đáng có xảy ra. Do đó, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Tr, ông đề nghị Tòa giải quyết cho ông và bà Tr được đoàn tụ để cùng nhau lo tương lai cho các con.

Về con chung: Ông và bà Tr có 02 con chung tên Trần Hữu Vy A, giới tính (nữ), sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Phú Hải L, giới tính (nam), sinh ngày: 19/02/2011. Hiện trẻ A đang đi du học ở nước ngoài, còn trẻ L đang sống với bà Tr. Trong trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Trần Phú Hải L, giới tính (nam), sinh ngày 19/02/2011, ông đồng ý giao trẻ Trần Hữu Vy A, giới tính (nữ), sinh ngày 06/5/2006 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà Tr được đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Huyền Tr; giao 02 con chung là trẻ Trần Hữu Vy A, giới tính (nữ), sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Phú Hải L, giới tính (nam), sinh ngày: 19/02/2011 cho bà Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Trần Hữu Nh không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: bà Tr và ông Nhyêu cầu tự thỏa thuận; nợ chung: bà Tr và ông Nh xác nhận không có nên không xem xét, giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Huyền Tr yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hữu Nh. Đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn là ông Trần Hữu Nh cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 18/7/2005 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Huyền Tr và ông Trần Hữu Nh là hôn nhân hợp pháp được quy định tại các Điều 9, 10, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Bà Trần Thị Huyền Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông Nhkhông thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nhđể mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà Tr thì giữa bà và ông Nhđã xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng ông Nhkhông quan tâm, chia sẻ công việc gia đình cũng như những công việc ngoài xã hội dẫn đến cuộc sống hôn nhân của bà không hạnh phúc, bà và ông Nhđã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Lời trình bày của bà Tr là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của ông Nhlà vợ chồng khi trao đổi các vấn đề trong cuộc sống thì luôn có những mâu thuẫn và bất đồng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Ông Nhkhông đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ với bà Tr với lý do còn tình cảm với bà Tr và giữa ông và bà Tr chỉ là mâu thuẫn nhỏ, ông mong bà Tr cho ông cơ hội để ông bù đắp lại cho bà và các con. Tuy nhiên, trong thời gian từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng bà Tr vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Nhvà ông Nhkhông đưa ra được biện pháp nào hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà Tr và ông Nhđã không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Huyền Tr đối với ông Trần Hữu Nh.

[4] Về con chung: Bà Tr và ông Nhtrình bày có 02 (hai) con chung tên là Trần Hữu Vy A, giới tính (nữ), sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Phú Hải L, giới tính (nam), sinh ngày: 19/02/2011. Sau khi ly hôn, bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A và trẻ L, bà Tr không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con. Ông Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L, ông Nh đồng ý giao trẻ A cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trẻ L hiện đang sống chung với bà Tr và tại Đơn trình bày nguyện vọng của trẻ L vào ngày 09/01/2023 nếu cha mẹ không sống chung với nhau thì trẻ L có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo ổn định về cuộc sống, sự phát triển toàn diện của trẻ L về mặt thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 (hai) trẻ là Trần Hữu Vy A, giới tính (nữ), sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Phú Hải L, giới tính (nam), sinh ngày: 19/02/2011 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng: Bà Tr không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý kiến hoàn toàn tự nguyện của bà Tr nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà Tr và ông Nh yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Tr và ông Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị Huyền Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Huyền Tr đối với ông Trần Hữu Nh.

Bà Trần Thị Huyền Tr được ly hôn với ông Trần Hữu Nh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 18/7/2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Hữu Vy A, giới tính (nữ), sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Phú Hải L, giới tính (nam), sinh ngày: 19/02/2011 cho bà Trần Thị Huyền Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Hữu Nh.

Ông Trần Hữu Nh có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Tr và ông Nhyêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: Bà Tr và ông Nhxác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Huyền Tr chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Tr đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0041757 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tr đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận ;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Định

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 10/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình chánh, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đặng Văn Ân**

2/ Bà **Nguyễn Thị Nguyễn**

Đã nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thụ lý số 892/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2022.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định những vấn đề sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Huyền Tr đối với ông Trần Hữu Nh.

Bà Trần Thị Huyền Tr được ly hôn với ông Trần Hữu Nh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 18/7/2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Hữu Vy A, giới tính (nữ), sinh ngày: 06/5/2006 và Trần Phú Hải L, giới tính (nam), sinh ngày: 19/02/2011 cho bà Trần Thị Huyền Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Hữu Nh.

Ông Trần Hữu Nh có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người

không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Tr và ông Nhyêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: Bà Tr và ông Nhxac nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Huyền Tr chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Tr đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0041757 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tr đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Biểu quyết: 3/3

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ phút ngày 10/02/2022, các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định